

## PHỤ LỤC V

(Ban hành kèm theo Nghị định 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ)



NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM  
MST: 0100686174

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

Năm báo cáo 2020

#### 1. Tình hình kinh doanh và đầu tư 03 năm trước (từ năm 2017 đến năm 2019):

##### 1.1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 03 năm trước:

###### a) Nguồn vốn huy động:

- Nguồn vốn tăng trưởng ổn định, hoàn thành kế hoạch hàng năm, đáp ứng đủ, kịp thời nhu cầu đầu tư cho vay phát triển kinh tế, đảm bảo an toàn hoạt động, cụ thể: Vốn huy động năm 2017 tăng 14,6%, năm 2018 tăng 11,8%. Đến 31/12/2019, nguồn vốn huy động thị trường 1 đạt trên 1,3 triệu tỷ đồng, tăng 13,6% so với năm 2018.

- Cơ cấu nguồn vốn tiếp tục chuyển dịch theo hướng ổn định, tăng tỷ trọng nguồn vốn trung dài hạn. Agribank giữ vai trò quan trọng trong việc định hướng lãi suất thị trường, duy trì mặt bằng lãi suất đầu vào thấp để giảm lãi suất cho vay, hỗ trợ doanh nghiệp.

###### b) Hoạt động tín dụng:

Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu hàng năm, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch đúng định hướng, ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp nông thôn, sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực ưu tiên của Chính phủ. Chất lượng tín dụng được bảo đảm, tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN được kiểm soát và duy trì ở mức dưới 2%, cụ thể:

- Tăng trưởng tín dụng năm 2017 đạt 17,6%, năm 2018 đạt 14,6%. Đến 31/12/2019, dư nợ cho vay nền kinh tế đạt trên 1,1 triệu tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2018.

- Chất lượng tín dụng ngày càng được cải thiện, tỷ lệ nợ xấu nội bảng (theo Thông tư 02/2013/TT-NHNN) giảm dần, năm 2017 là 1,54%, năm 2018 là 1,51%, đến 31/12/2019 là 1,46%, hoàn thành mục tiêu kế hoạch được NHNN phê duyệt.

- Agribank tiếp tục triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng của Chính Phủ: cho vay theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP; cho vay theo Quyết định 63,65,68/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp; cho vay hỗ trợ huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP; chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững... Đến 31/12/2019, dư nợ cho vay nông nghiệp nông thôn đạt gần 800 nghìn tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 69,8% tổng dư nợ, góp phần thực hiện chính sách phát triển tam nông của Đảng, Chính phủ, chung tay cùng các cấp, các ngành hạn chế "tín dụng đen"...



c) Sản phẩm dịch vụ phát triển đa dạng, đặc biệt là các sản phẩm ngân hàng hiện đại và sản phẩm dành cho khách hàng khu vực NNNT, từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh từ phụ thuộc vào hoạt động tín dụng sang mô hình kinh doanh đa dịch vụ. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ năm 2019 đạt 6.022 tỷ đồng<sup>1</sup>.

d) Kết quả kinh doanh và nộp ngân sách nhà nước:

- Doanh thu hàng năm tăng trưởng ổn định, năm 2019 tổng doanh thu đạt 126.707 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 13.804 tỷ đồng; Nộp ngân sách nhà nước (thuế TNDN) 2.756 tỷ đồng.

- Bên cạnh nhiệm vụ kinh doanh, Agribank đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thể hiện vai trò và trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng. Hàng năm, Agribank chi hàng trăm tỷ đồng cho các hoạt động xã hội, từ thiện trong lĩnh vực giáo dục, y tế, xây nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, trạm y tế, đường giao thông nông thôn... Riêng năm 2019, Agribank đã chi 353 tỷ đồng cho công tác an sinh, xã hội góp phần nâng cao đời sống người dân, đồng thời tạo hình ảnh tích cực cho Agribank trong cộng đồng.

**1.2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm giai đoạn 2017-2019:**

- Dự án đầu tư Công nghệ thông tin, Thẻ: 08 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư trên 1,2 nghìn tỷ đồng, đến 31/12/2019 đã thực hiện giải ngân trên 900 tỷ đồng.

- Dự án đầu tư xây dựng cơ bản: 54 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư trên 5,2 nghìn tỷ đồng, đến hết 31/12/2019 đã thực hiện giải ngân trên 2.000 tỷ đồng.

**1.3. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm:**

- Năm 2019 là năm bản lề, đóng vai trò quan trọng cho việc hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra cho năm 2020 và giai đoạn 2016-2020. Kết thúc năm 2019, Agribank hoàn thành các mục tiêu kế hoạch được giao và là năm thứ 4 liên tiếp hoàn thành toàn diện các mục tiêu kinh doanh với lợi nhuận đạt mức cao nhất từ trước tới nay, mua lại trước hạn toàn bộ nợ bán VAMC, hoạt động kinh doanh tiếp tục tăng cao về hiệu quả gắn với mở rộng quy mô hợp lý và sẵn sàng cho công tác cổ phần hóa.

- Agribank tiếp tục giữ vững vị thế là NHTM hàng đầu, nằm trong Top 10 Bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất (VNR500). Năm 2019 Agribank được đánh giá ở vị trí 142/500 Ngân hàng lớn nhất châu Á về quy mô tài sản (theo The Asian Banker).

**1.4. Thuận lợi và khó khăn chủ yếu:**

- Kinh tế trong nước ổn định, tăng trưởng kinh tế đạt mức cao, lạm phát được kiểm soát hiệu quả, thị trường tiền tệ ổn định. NHNN tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách, tạo điều kiện cho các TCTD từng bước nâng cao năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn Basel II.

- Agribank luôn nhận được sự chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan, bộ ngành trung ương và địa phương. Các chủ trương, chính sách mới của Ban lãnh đạo Agribank được sự ủng hộ, tin tưởng thống nhất cao trong toàn hệ thống.

- Agribank hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, việc tăng vốn chủ yếu từ Ngân sách Nhà nước nhưng chậm được cấp, quy mô vốn điều lệ thấp (thấp nhất trong nhóm 4 NHTM lớn

<sup>1</sup> Báo cáo tài chính riêng của Agribank năm 2019 đã kiểm toán.

nhất Việt Nam), tăng trưởng chậm so với tốc độ tăng quy mô hoạt động kinh doanh và yêu cầu nâng cao năng lực tài chính dẫn đến hạn chế khả năng mở rộng huy động vốn, đầu tư tín dụng và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn theo chuẩn mực vốn Basel II.

- Về vấn đề cổ phần hóa, việc triển khai lập và duyệt phương án sắp xếp nhà đất mất rất nhiều thời gian do Agribank có số lượng cơ sở nhà, đất cần kiểm tra lớn, hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, đến nay vẫn còn một số cơ sở nhà, đất chưa được Bộ Tài chính phê duyệt phương án sử dụng.

#### 1.5. Kế hoạch kinh doanh năm 2020

- Tổng tài sản: Hợp nhất là 1.567.600 tỷ đồng, riêng lẻ là 1.567.000 tỷ đồng (tăng tối thiểu 8% so với năm 2019).

- Vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư: Phù hợp với sử dụng vốn, tăng trưởng tối thiểu (hợp nhất, riêng lẻ) là 8,5% so năm 2019. Trường hợp Agribank thay đổi chỉ tiêu tăng trưởng dư nợ tín dụng, chỉ tiêu nguồn vốn huy động sẽ được điều chỉnh phù hợp.

- Dư nợ cho vay nền kinh tế: tăng trưởng tối đa 8,5%, thực hiện theo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng được NHNN phê duyệt.

- Tỷ lệ nợ xấu theo Thông tư 02:  $\leq 2\%$ .

- Tỷ lệ đảm bảo an toàn hoạt động: Tuân thủ theo quy định của NHNN.

**Biểu số 1**  
**Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh chủ yếu**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020
1	Nguồn vốn huy động thị trường 1	Tỷ đồng	1.061.447	1.186.288	1.347.382	1.457.589
2	Dư nợ cho vay nền kinh tế	Tỷ đồng	876.496	1.004.762	1.121.970	1.212.656
3	Tỷ lệ cho vay NNNT	%	73,6%	70,5%	69,8%	69,4%
4	Tỷ lệ nợ xấu	%	1,54%	1,51%	1,46%	1,64%
5	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	91.583	108.977	126.707	131.117
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4.729	7.552	13.804	12.896
7	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	938	1.504	2.756	2.570
8	Chi phí an sinh xã hội	Tỷ đồng	298	350	353	285
9	Tổng lao động (chưa gồm NQLDN)	Người	36.682	36.388	37.231	37.509
10	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	9.713	11.352	11.652	11.815
-	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	18	19	17	15
-	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	9.695	11.333	11.635	11.800

6174-C  
HÀNG  
NGHIỆ  
HÁT TRIỆ  
G THÔN  
T NAM  
H - TP. Y

*B*

**BIỂU SỐ 2**  
**TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI**

TT	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018			Thực hiện năm 2019			Ước thực hiện năm báo cáo 2020		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Các công ty con do Agribank nắm giữ 100% vốn điều lệ (cấp 2)												
1.1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Agribank	510	100	510	430	100	430	430	100	430	350	100	350
1.2	Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Agribank (AMC)	30	100	30	150	100	150	150	100	150	30	100	30
1.3	Công ty Cho thuê Tài chính I (ALCI)	200	100	200	200	100	200	200	100	200	0	0	0
2	Các công ty con do Agribank nắm giữ cổ phần chi phối (cấp 2)												



*Handwritten signature or initials.*


2.1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank (Agriseco)	2.120	74,92	1.588,36	2.120	74,92	1.588,36	2.120	74,92	1.588,36	2.120	74,92	1.588,36
2.3	Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Agribank (ABIC)	380	51,32	195	380	51,32	195	380	51,32	195	380	51,32	195

Lập bảng



Vũ Huyền Ly

PHÓ TRƯỞNG BAN PTDH



Phạm Thị Hồng Thu